

Lê Xuân Trung (Tác giả)

(Công an huyện Thiệu Hóa - Tỉnh Thanh Hóa)

**THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 67/2020/QH14);
2. Luật Hải quan số 54/2014/QH13;
3. Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;
4. Nghị quyết số 24/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Chương I

HIỆU LỰC CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. HIỆU LỰC VỀ THỜI GIAN

Hiệu lực về thời gian được quy định tại Điều 141 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: *“Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định thì có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014”*.

II. HIỆU LỰC TRỞ VỀ TRƯỚC

Với tinh thần nhân đạo, việc áp dụng hiệu lực trở về trước tức là áp dụng các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cho những **hành vi vi phạm hành chính** được thực hiện trước khi Luật này có hiệu lực thi hành là phù hợp, song việc áp dụng hiệu lực trở về trước cũng phải chịu những hạn chế nhất định. Khoản 2 Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 liệt kê các trường hợp không được quy định hiệu lực trở về trước, bao gồm:

Trường hợp 1: Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý.

Trường hợp 2: Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

Quy định của pháp luật hành chính hiện hành hướng dẫn áp dụng hiệu lực trở về trước: Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 24/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

III. HIỆU LỰC VỀ KHÔNG GIAN

Hiệu lực về không gian được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 và Điều 20 Luật xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể nội dung điều luật quy định như sau:

- Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam **thì bị xử phạt vi phạm hành chính** theo quy định của pháp

luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Công dân, tổ chức Việt Nam vi phạm pháp luật hành chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này.

Chương II

KHÁI NIỆM VI PHẠM HÀNH CHÍNH

CẤU THÀNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. KHÁI NIỆM VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Khái niệm vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, **vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm** và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”.

II. CẤU THÀNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Cấu thành vi phạm hành chính bao gồm bốn yếu tố: “Mặt khách quan của vi phạm hành chính; Mặt chủ quan của vi phạm hành chính; Khách thể của vi phạm hành chính; Chủ thể của vi phạm hành chính”.

1. Khách thể của vi phạm hành chính

Khách thể của vi phạm hành chính là quan hệ xã hội được luật hành chính bảo vệ mà vi phạm hành chính tác động đến gây thiệt hại, cụ thể là “**trật tự quản lý hành chính nhà nước**”.

2. Chủ thể của vi phạm hành chính

Chủ thể của vi phạm hành chính gồm: “Cá nhân và tổ chức”.

a. Cá nhân

* Tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính:

Đoạn 1 điểm a khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định:

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính **do cố ý**.

* Tuổi bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính:

Xem các điều 90, 92, 94, 96 Luật xử lý vi phạm hành chính.

* Người không có năng lực trách nhiệm hành chính:

Khoản 15 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Người không có năng lực trách nhiệm hành chính là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”.

* Cán bộ, công chức, viên chức.

* Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân:

Đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt **tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh** thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý”.

b. Tổ chức

* Khoản 10 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: “Tổ chức là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật”.

* Cơ quan Nhà nước.

3. Mặt khách quan của vi phạm hành chính

Mặt khách quan của vi phạm hành chính bao gồm các biểu hiện: “Hành vi khách quan; Hậu quả của vi phạm hành chính; Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; Nội dung biểu hiện khác trong mặt khách quan”. Trong đó hành vi khách quan là dấu hiệu bắt buộc, được phản ánh trong mọi cấu thành vi phạm hành chính.

4. Mặt chủ quan của vi phạm hành chính

Mặt chủ quan của vi phạm hành chính bao gồm các biểu hiện: “Lỗi; Mục đích; Động cơ; Nội dung biểu hiện khác trong mặt chủ quan”. Trong đó lỗi là dấu hiệu bắt buộc, được phản ánh trong mọi cấu thành vi phạm hành chính.

Chương III

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. KHÁI NIỆM

Khái niệm xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “*Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt **áp dụng** hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính*”.

II. HÌNH THỨC XỬ PHẠT, NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Các hình thức xử phạt

- Cảnh cáo.

- Phạt tiền.

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (phương tiện “được sử dụng để” vi phạm hành chính).

- Trục xuất.

Chú ý: Các hình thức xử phạt áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

Cảnh cáo;

Phạt tiền;

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Nguyên tắc áp dụng

Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Luật xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

* *Nguyên tắc 1:* Hình thức xử phạt chính: “*Cảnh cáo; Phạt tiền*”. Các hình thức xử phạt còn lại có thể được quy định là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung.

* Nguyên tắc 2: Mỗi vi phạm hành chính được quy định một hình thức xử phạt chính, có thể quy định một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung kèm theo.

* Nguyên tắc 3: Hình thức xử phạt bổ sung được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Cảnh cáo

Hình thức xử phạt “cảnh cáo” được quy định tại Điều 22 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “*Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản*”.

4. Phạt tiền

Hình thức xử phạt “phạt tiền” được quy định tại Điều 23, Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó:

* *Mức tiền phạt cụ thể* đối với một hành vi vi phạm hành chính là *mức trung bình của khung tiền phạt* được quy định đối với hành vi đó:

Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn *mức tối thiểu của khung tiền phạt*.

Nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá *mức tối đa của khung tiền phạt*.

* *Mức tiền phạt tối đa* trong các lĩnh vực:

- Mức tiền phạt tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cá nhân:

+ Phạt tiền đến 30.000.000 đồng: Hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại.

+ Phạt tiền đến 40.000.000 đồng: An ninh trật tự, an toàn xã hội; cản trở hoạt động tổ tụng; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao dịch điện tử; bưu chính.

+ Phạt tiền đến 50.000.000 đồng: Phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; hỗ trợ tư pháp; y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; văn hóa; thể thao; du lịch; quản lý khoa học, công nghệ; chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bảo trợ, cứu trợ xã hội; phòng, chống thiên tai; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý và bảo tồn nguồn gen (trừ nguồn gen giống vật nuôi); trồng trọt (trừ phân bón); thú y; kế toán; kiểm toán độc lập; phí, lệ phí; quản lý tài sản công; hóa đơn; dự trữ quốc gia; hóa chất; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; đăng ký doanh nghiệp; kiểm toán nhà nước.

+ Phạt tiền đến 75.000.000 đồng: Cơ yếu; quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; quốc phòng, an ninh quốc gia; lao động; giáo dục; giáo dục nghề nghiệp; giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; phòng, chống tệ nạn xã hội.

+ Phạt tiền đến 100.000.000 đồng: Đề điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; chăn nuôi; phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; hoạt động hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; xuất bản; in; thương mại; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; điện lực.

+ Phạt tiền đến 150.000.000 đồng: Quản lý giá; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở; đấu thầu; đầu tư.

+ Phạt tiền đến 200.000.000 đồng: Sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

+ Phạt tiền đến 250.000.000 đồng: Điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thủy lợi; sở hữu trí tuệ; báo chí.

+ Phạt tiền đến 500.000.000 đồng: Xây dựng; lâm nghiệp; đất đai; kinh doanh bất động sản.

+ Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng: Quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền lệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; thủy sản.

- Mức tiền phạt tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với tổ chức: Bảng 02 lần mức tiền phạt đối với cá nhân.

- Mức tiền phạt tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; cạnh tranh theo quy định tại các luật tương ứng.

5. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

- Giấy phép, chứng chỉ hành nghề là giấy tờ do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp cho cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật để cá nhân, tổ chức đó kinh doanh, hoạt động, hành nghề hoặc sử dụng công cụ, phương tiện.

Giấy phép, chứng chỉ hành nghề không bao gồm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ gắn với nhân thân người được cấp không có mục đích cho phép hành nghề.

- Hình thức xử phạt “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn” được quy định tại Điều 25 Luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 25 Luật xử lý vi phạm hành chính. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

2. Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

a) Đình chỉ **một phần** hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ **mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép**;

b) Đình chỉ **một phần** hoặc **toàn bộ** hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác **mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép** và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

3. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này từ **01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.**

Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì **thời hạn tước, đình chỉ** có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có tình tiết tăng nặng thì **thời hạn tước, đình chỉ** có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

6. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Hình thức xử phạt “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính” được quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: *“Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hóa, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức”*.

7. Trục xuất

Hình thức xử phạt “trục xuất” được quy định tại Điều 27 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: *“Trục xuất là hình thức xử phạt buộc người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính tại Việt Nam phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*.

III. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ, NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.
- Buộc **phá dỡ** công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.
- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.
- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện.
- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.
- Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn.
- Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm.

- Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng.
- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.
- Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.

Chú ý: Các biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc áp dụng

Nguyên tắc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

* *Nguyên tắc 1:* Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

* *Nguyên tắc 2:* Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu” được quy định tại Điều 29 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “*Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm*

hành chính của mình gây ra; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

4. Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép” được quy định tại Điều 30 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: *“Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.*

5. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh” được quy định tại Điều 31 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: *“Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.*

6. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện” được quy định tại Điều 32 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó:

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Biện pháp khắc phục hậu quả này cũng được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.

7. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại” được quy định tại Điều 33 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

8. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn” được quy định tại Điều 34 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã được công bố, đưa tin trên chính phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử đã công bố, đưa tin; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

9. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm được quy định tại Điều 35 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “Cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa

hoặc sử dụng phương tiện kinh doanh, vật phẩm chứa yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thì phải loại bỏ các yếu tố vi phạm đó; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

10. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng” được quy định tại Điều 36 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “Cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng đã đăng ký hoặc công bố và hàng hóa khác không bảo đảm chất lượng, điều kiện lưu thông thì phải thu hồi các sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

11. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật

Biện pháp khắc phục hậu quả “buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật” được quy định tại Điều 37 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “Cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại số lợi bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho đối tượng bị chiếm đoạt; phải nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện đó đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”.

IV. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

** Luật xử lý vi phạm hành chính quy định 20 cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (từ Điều 38 đến Điều 51). Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân được quy định tại Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể nội dung điều luật quy định như sau:*

Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính. Thẩm quyền của Công an nhân dân

*1. **Chiến sĩ Công an nhân dân** đang thi hành công vụ có quyền:*

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 500.000 đồng.

*2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, **Đội trưởng** của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:*

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 1.500.000 đồng.

*3. **Trưởng Công an cấp xã**, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:*

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật này.

*4. **Trưởng Công an cấp huyện**; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính*

về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 25.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật này.

5. **Giám đốc Công an cấp tỉnh** có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật này.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật này.

7. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

** Một số vấn đề cần lưu ý:*

- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Khoản 1 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: *Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ 38 đến 51 của Luật này là thẩm quyền áp dụng đối với “một hành vi” vi phạm hành chính của “cá nhân”*; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Luật này đối với chức danh đó.

- Khoản 2 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: *“Thẩm quyền phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều này được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể”*.

Để hiểu rõ quy định này, tác giả giả định: *A điều khiển xe máy vượt rào chắn khi chắn đang dịch chuyển.*

Căn cứ vào khoản 5 Điều 46 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP, ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt: *A bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng”*.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính: *Mức tiền phạt cụ thể đối với A là 500.000 đồng, nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn 400.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá 600.000 đồng.*

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 24 và điểm b khoản 1 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính: *Chiến sỹ Cảnh sát giao thông được phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành*

chính nhưng không quá 500.000 đồng. Mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực giao thông đường sắt đối với cá nhân là 75.000.000 đồng, suy ra Chiến sỹ Cảnh sát giao thông được phạt tiền đến 750.000 đồng nhưng không quá 500.000 đồng. Vì vậy, Chiến sỹ Cảnh sát giao thông được phạt tiền đến 500.000 đồng (quy định này được cụ thể hóa tại điểm b khoản 1 Điều 72 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP, ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính: *Do thẩm quyền phạt tiền được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể, tức là căn cứ vào mức 600.000 đồng. Vì vậy Chiến sỹ Cảnh sát giao thông không có thẩm quyền xử phạt A.*

2. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

a. Phân định thẩm quyền theo hình thức xử phạt, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả

Điểm a, điểm b khoản 4 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định:

4. Trường hợp vu việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

b. Phân định thẩm quyền theo lĩnh vực quản lý

Khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định:

3. Chủ tịch UBND các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các điều từ 39 đến 51 của Luật này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

c) Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

3. Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Việc thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 53 Luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 53 Luật xử lý vi phạm hành chính. Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Luật này có sự thay đổi về tên gọi nhưng không có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì thẩm quyền xử phạt của chức danh đó được giữ nguyên.

2. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì thẩm quyền xử phạt của chức danh đó do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Giao quyền xử phạt

a. Cơ sở pháp lý

Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Quy định

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính) có thể giao quyền cho cấp phó.

Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

Chú ý: Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc, đồng thời với việc giao quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính.

V. NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Các nguyên tắc

a. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

- *Nguyên tắc 1:* Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng.

- *Nguyên tắc 2:* Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính.

- *Nguyên tắc 3:* Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

b. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên

Ngoài những nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trên, việc xử phạt đối với người chưa thành niên còn được áp dụng các nguyên tắc sau đây:

- *Nguyên tắc 1:* Việc áp dụng hình thức xử phạt, quyết định mức xử phạt đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính phải nhẹ hơn so với người thành niên có cùng hành vi vi phạm hành chính.

- *Nguyên tắc 2:* Trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì không áp dụng hình thức phạt tiền.

- *Nguyên tắc 3:* Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên; bị buộc phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 126 của Luật này thì số tiền nộp vào ngân sách nhà nước bằng 1/2 trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trường hợp không có tiền nộp phạt hoặc không có khả năng thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải thực hiện thay.

VI. TRƯỜNG HỢP KHÔNG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

* Các khoản 11, 12, 13, 14, 15 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính;

* Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

- *Trường hợp 1:* Sự kiện bất ngờ.

Sự kiện bất ngờ là sự kiện mà cá nhân, tổ chức không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi nguy hại cho xã hội do mình gây ra.

- *Trường hợp 2:* Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính.

- *Trường hợp 3:* Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.

- *Trường hợp 4:* Phòng vệ chính đáng.

Phòng vệ chính đáng là hành vi của **cá nhân** vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích nói trên.

- *Trường hợp 5:* Tình thế cấp thiết.

Tình thế cấp thiết là tình thế của **cá nhân, tổ chức** vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

- *Trường hợp 6:* Sự kiện bất khả kháng.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

VII. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Từ Điều 55 đến Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ tục

2.1. Phát hiện vi phạm hành chính

** Phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:*

- *Lĩnh vực áp dụng:* Trật tự, an toàn giao thông; Bảo vệ môi trường; Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; Phòng, chống ma túy; Phòng, chống tác hại của rượu, bia và lĩnh vực khác (do Chính phủ quy định).

- *Khi có kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:*

+ Ghi nhận bằng văn bản.

+ Xác định tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính.

- + Lập biên bản vi phạm hành chính (lưu kết quả thu được theo biên bản).
- + Thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân vi phạm.
- *Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các biện pháp nghiệp vụ khác nhằm xác định thông tin, dữ liệu được thu thập từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.*

2.2. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính

Thực hiện bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản

- *Trường hợp áp dụng:*

- + Phạt cảnh cáo.
- + Phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức.
- + *Chú ý:* Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng “*phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ*” thì phải lập biên bản.

- *Thủ tục:* Ra quyết định xử phạt tại chỗ.

2.4. Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản

- *Lập biên bản vi phạm hành chính:*

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp lập tại địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp: Biên bản vi phạm hành chính được lập, gửi bằng phương thức điện tử.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản.

- *Lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính:*

Hồ sơ gồm: Biên bản vi phạm hành chính; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Tài liệu, giấy tờ có liên quan.

Hồ sơ được đánh bút lục và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

- *Chuyển biên bản (và tài liệu khác) đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản.*

2.5. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính

- *Trường hợp xác minh:*

+ Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót.
+ Trường hợp biên bản vi phạm hành chính không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

+ Khi cần thiết.

- *Các tình tiết cần xác minh:*

+ Có hay không có vi phạm hành chính.
+ Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, lỗi.
+ Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.
+ Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra.
+ Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
+ Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.
- *Người có thẩm quyền xử phạt có thể **trung cầu giám định** (việc trung cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định).*
- *Lập biên bản xác minh.*

2.6. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt:

- Tùy theo loại tang vật, phương tiện cụ thể, việc xác định giá trị dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu.

Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính.

Giá thành của tang vật, phương tiện nếu là hàng hóa chưa xuất bán.

Đối với tang vật, phương tiện là hàng giả thì giá của tang vật, phương tiện đó là giá thị trường của hàng hóa thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính.

- Trường hợp không thể áp dụng được các căn cứ trên để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì:

+ “**Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc**” có thể **ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm** và thành lập Hội đồng định giá (*người ra quyết định tạm giữ là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên*).

+ Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ.

+ Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả. **Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.**

2.7. Giải trình

- *Trường hợp giải trình:*

+ Đối với vi phạm hành chính mà pháp luật quy định hình thức xử phạt “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn”.

+ Đối với vi phạm hành chính mà pháp luật quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức.

- *Hình thức giải trình:*

+ Giải trình bằng văn bản.

+ Giải trình trực tiếp.

- *Trình tự, thủ tục giải trình*: Xem Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2.8. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

* *Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính*:

- Trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính.

- Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính.

- Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- Hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Cá nhân vi phạm hành chính chết, **mất tích**, tổ chức vi phạm hành chính đã **giải thể, phá sản** trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt.

Chú ý:

Người có thẩm quyền không ra “quyết định xử phạt vi phạm hành chính” **nhưng vẫn phải ra** “quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính” nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

* *Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính*:

- Thời hạn ra quyết định xử phạt: **07 ngày làm việc**, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt: **10 ngày làm việc**, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

- Vụ việc có yêu cầu giải trình hoặc xác minh các tình tiết tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính: **01 tháng**, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Đối với vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ: **02 tháng**, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

- Trường hợp “chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính”: **30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ vi phạm.**

Trường hợp xác minh các tình tiết tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính: **45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ vi phạm.**

** Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính:*

- Nguyên tắc ra quyết định:

Nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện 01 hành vi vi phạm hành chính thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

Một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng 01 lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm.

Nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

- Hiệu lực thi hành: Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

2.9. Thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

2.10. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

- Quá trình xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xét thấy hành vi có dấu hiệu tội phạm: *Người có thẩm quyền xử phạt “chuyển ngay” hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.*

- Quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xét thấy hành vi có dấu hiệu tội phạm:

+ *Người đã ra quyết định xử phạt ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt và trong thời hạn 03 ngày phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.*

+ *Trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.*

Chú ý: Nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định khởi tố vụ án thì người đã ra quyết định xử phạt phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

2.11. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính

Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến (**không lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính - xem khoản 8 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính**).

Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính.

VIII. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó:

- *Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là **01 năm**, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật,*

phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

- Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu **được tính kể từ** thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

2. Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản

a. Cơ sở pháp lý

Điều 69 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Quy định

** Bước 1: Giao quyết định xử phạt.*

- Giao 01 bản quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Đối với người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo:

+ Giao 01 bản quyết định xử phạt cho người chưa thành niên.

+ Giao 01 bản quyết định xử phạt cho cha mẹ hoặc người giám hộ.

** Bước 2: Nộp tiền phạt.*

- Cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt.

+ Người có thẩm quyền xử phạt giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

+ Người có thẩm quyền xử phạt nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền phạt.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có khả năng nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước.

3. Thi hành quyết định xử phạt có lập biên bản

a. Cơ sở pháp lý

Từ Điều 70 đến Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành

** Thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, gửi quyết định cho:*

- Cá nhân, tổ chức vi phạm.
- Cơ quan thu tiền phạt.
- Cơ quan liên quan khác (nếu có).

** Hình thức gửi:*

- Giao trực tiếp.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

- Gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức vi phạm biết.

Trường hợp sau 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt được gửi qua bưu điện đến lần thứ 03 mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức vi phạm hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.

c. Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành (nếu có)

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi

cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến UBND cấp huyện để tổ chức thi hành.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính ở địa bàn cấp huyện này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác **mà việc đi lại gặp khó khăn** và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến UBND cấp huyện để tổ chức thi hành.

- Người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính chuyển toàn bộ hồ sơ (bản gốc) đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu (nếu có) được chuyển đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành, trừ trường hợp tang vật là động vật, thực vật sống, hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật và một số loại tài sản khác do Chính phủ quy định.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả chi phí chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

d. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính (nếu có)

- *Trường hợp công bố công khai:* Vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội.

- *Nội dung công bố:*

+ Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính;

+ Hành vi vi phạm;

+ Hình thức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả.

- Việc công bố công khai được thực hiện trên trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của UBND cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính.

4. Trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt

Người ra quyết định xử phạt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức vi phạm và thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

5. Thi hành quyết định xử phạt đối với các hình thức xử phạt cụ thể

a. Phạt tiền

* Thủ tục nộp tiền phạt:

- Cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước.

- Các trường hợp đặc biệt:

+ Trường hợp 1: Vi phạm hành chính tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn

Cá nhân, tổ chức vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt.

Người có thẩm quyền xử phạt giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

+ Trường hợp 2: Xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp.

Người có thẩm quyền xử phạt giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

** Nộp tiền phạt nhiều lần:*

Cơ sở pháp lý: Điều 79 Luật xử lý vi phạm hành chính.

** Hoãn thi hành quyết định phạt tiền:*

Cơ sở pháp lý: Điều 76 Luật xử lý vi phạm hành chính.

** Giảm, miễn tiền phạt:*

Cơ sở pháp lý: Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

** Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn:*

- Người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề biết.

Khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

- Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải tam giữ và ra quyết định thu hồi ngay theo thẩm quyền; trường hợp không thuộc thẩm quyền thu hồi thì tam giữ và trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, phải chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp để xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho cá nhân, tổ chức vi phạm biết.

Vấn đề cần lưu ý: Việc quy định “tạm giữ” giấy phép, chứng chỉ hành nghề là không cần thiết bởi vì quá trình thi hành quyết định xử phạt “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn”, người có thẩm quyền xử phạt đã thu giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó rồi. Ngoài ra, trường hợp này không có căn cứ tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

** Đình chỉ hoạt động có thời hạn:*

- Cá nhân, tổ chức vi phạm phải đình chỉ ngay một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác được ghi trong quyết định xử phạt.

** Chú ý:* Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khả năng thực tế gây hậu quả tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường thì phải thông báo bằng văn bản việc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cho các cơ quan có liên quan.

c. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

- Lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Biên bản phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt (đại diện tổ chức bị xử phạt) và người chứng kiến.

Trường hợp người bị xử phạt (đại diện tổ chức bị xử phạt) vắng mặt thì phải có 02 người chứng kiến.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt (đại diện tổ chức bị xử phạt) hoặc người chứng kiến. Việc niêm phong phải được ghi nhận vào biên bản.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ, người có thẩm quyền xử phạt thấy tình trạng tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về những thay đổi này; biên bản

phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

d. Trục xuất

- Quyết định trục xuất phải được thông báo trước khi thi hành cho Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người bị trục xuất là công dân hoặc nước mà người đó cư trú trước khi đến Việt Nam.

- Cơ quan Công an có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định trục xuất, áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

6. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

- Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả:

Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả:

Người có thẩm quyền ra quyết định có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

- Chú ý: Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

7. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản

Trường hợp “người bị xử phạt chết, mất tích”, “tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản” thì không thi hành quyết định phạt tiền nhưng vẫn thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Trường hợp “không xác định được đối tượng vi phạm hành chính”, “người bị xử phạt chết, mất tích”, “tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ” thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả. Chi phí cho việc tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

IX. CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Khoản 1 Điều 78, khoản 5 Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Vấn đề cần lưu ý:

Cần thiết bổ sung các trường hợp cưỡng chế:

- *Trường hợp 1:* Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành “quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn”, “quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”.

- *Trường hợp 2:* Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành các quyết định về nộp tiền phạt nhiều lần, hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm, miễn tiền phạt.

3. Các biện pháp cưỡng chế

- Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;

- Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

- Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.

- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế của công an nhân dân

** Thẩm quyền:*

- Trưởng đồn Công an.

- Trưởng Công an cấp huyện.

- Giám đốc Công an cấp tỉnh.

- Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh

nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

** Giao quyền:*

Người có thẩm quyền cưỡng chế có thể giao quyền cho cấp phó.

Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

** Trường hợp chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành:*

Người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành ra quyết định cưỡng chế hoặc báo cáo cấp trên của mình ra quyết định cưỡng chế.

5. Thi hành quyết định cưỡng chế

a. Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế:

Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm **hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b. Thẩm quyền tổ chức thực hiện

Người ra quyết định cưỡng chế tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

c. Thi hành quyết định cưỡng chế

** Gửi quyết định cưỡng chế:*

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, phải gửi quyết định cho:

- + Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.
- + Cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế.
- + Cá nhân, tổ chức có liên quan.
- *Hình thức gửi:* Xem điểm b mục 3 phần VIII Chương này.

** Quyết định cưỡng chế phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế. Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.*

** Cưỡng chế phạt tiền:*

Mỗi ngày chậm nộp tiền phạt phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

d. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế

- Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế.

- Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu.

- **Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài** nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền cưỡng chế; tiến hành phong tỏa số tiền trong tài khoản tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản trong trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp; thực hiện việc trích chuyển số

tiền phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Chương IV

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

I. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Khái niệm

Khái niệm biện pháp xử lý hành chính được quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “*Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm*”.

2. Các biện pháp xử lý hành chính

- Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
- Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.
- Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.
- Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Thẩm quyền

- Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: Chủ tịch UBND cấp xã.
- Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Tòa án nhân dân cấp huyện.

4. Nguyên tắc áp dụng

a. Cơ sở pháp lý

Khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 5, khoản 1 và khoản 5 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Các nguyên tắc

Nguyên tắc 1: Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý

hành chính có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính.

Nguyên tắc 2: Các biện pháp xử lý hành chính không áp dụng đối với người nước ngoài.

Nguyên tắc 3: Đối với người chưa thành niên, biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng chỉ được áp dụng khi xét thấy không có biện pháp xử lý khác phù hợp hơn.

II. BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Cơ sở pháp lý

Các điều 89, 90, 97, 98 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng

a. Mục đích

Để giáo dục, quản lý đối tượng tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng.

b. Thời hạn

03 tháng đến 06 tháng.

3. Đối tượng áp dụng

Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Lập hồ sơ đề nghị

** Thẩm quyền:*

- Trưởng Công an cấp xã (nơi người vi phạm cư trú hoặc vi phạm pháp luật) tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch UB MTTQ cấp xã hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị.

- Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý thì cơ quan Công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị.

** Hồ sơ đề nghị:*

- Bản tóm tắt lý lịch.
- Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm.
- Bệnh án (nếu có).
- Bản tường trình của người vi phạm .
- Tài liệu khác có liên quan.

Chú ý: Đối với người chưa thành niên thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người đó đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.

** Thông báo bằng văn bản cho người vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ; đối với người chưa thành niên còn phải thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ.*

Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Quyết định áp dụng

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, gửi hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp xã.
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp xã chủ trì cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện UB MTTQ và một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở.

Người vi phạm, người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn, Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Hồ sơ được đánh bút lục và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Quy định đối với người chưa thành niên

Khoản 1 Điều 136 Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: “*Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý, trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì phải ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em; được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng*”.

III. BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

1. Cơ sở pháp lý

Các điều 91, 92, 99, 100 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng

a. Mục đích

Giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

b. Thời hạn

06 tháng đến 24 tháng.

3. Đối tượng áp dụng

Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính (người dưới 18 tuổi).

4. Trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

- Người không có năng lực trách nhiệm hành chính.

- Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

- Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Vấn đề cần lưu ý: Việc quy định không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với “người không có năng lực trách nhiệm hành chính” là không cần

thiết. Bởi vì, hành vi của người không có năng lực trách nhiệm hành chính không cấu thành vi phạm hành chính, họ không phải chịu trách nhiệm hành chính.

5. Lập hồ sơ đề nghị

** Lập hồ sơ:*

- Đối với người chưa thành niên vi phạm “có nơi cư trú ổn định” thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ. Hồ sơ đề nghị gồm có:

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm;

Biện pháp giáo dục đã áp dụng;

Bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người đó đang học tập, làm việc (nếu có);

Tài liệu khác có liên quan.

Chú ý: Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ.

- Đối với người chưa thành niên vi phạm “không có nơi cư trú ổn định” thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ. Hồ sơ đề nghị gồm có:

Biên bản vi phạm;

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm;

Bản trích lục tiền án, tiền sự;

Biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có);

Bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Chú ý: Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ.

- Đối với người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý thì cơ quan Công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị. Hồ sơ đề nghị gồm có:

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm;

Biện pháp giáo dục đã áp dụng;

Bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

** Thông báo bằng văn bản cho người vi phạm, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ.*

Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Quyết định áp dụng

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp xã gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh (trong trường hợp cơ quan Công an

cấp huyện, cấp tỉnh lập hồ sơ) quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

- *Chú ý:*

+ Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo;

Văn bản của Trưởng công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

+ Hồ sơ được đánh bút lục và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

IV. BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC

1. Cơ sở pháp lý

Các điều 93, 94, 101, 102 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng

a. Mục đích

Để học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

b. Thời hạn

06 tháng đến 24 tháng.

3. Đối tượng áp dụng

Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính (người từ đủ 18 tuổi trở lên).

4. Trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

- Người không có năng lực trách nhiệm hành chính.

- Nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi.

- Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

- Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Vấn đề cần lưu ý: Việc quy định không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với “người không có năng lực trách nhiệm hành chính” là không cần thiết. Bởi vì, hành vi của người không có năng lực trách nhiệm hành chính không cấu thành vi phạm hành chính, họ không phải chịu trách nhiệm hành chính.

5. Lập hồ sơ đề nghị

** Lập hồ sơ:*

- Đối với người vi phạm “có nơi cư trú ổn định” thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ. Hồ sơ đề nghị gồm có:

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm;

Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng;

Bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

Tài liệu khác có liên quan.

Chú ý: Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ.

- Đối với người vi phạm “không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật” thì Chủ tịch UBND cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ đề nghị gồm có:

Biên bản vi phạm;

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm;

Bản trích lục tiền án, tiền sự;

Biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có);

Bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

Chú ý: Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ.

- Đối với người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý thì cơ quan Công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị. Hồ sơ đề nghị gồm có:

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu về hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm;

Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng;

Bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

** Thông báo bằng văn bản cho người vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ.*

Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Quyết định áp dụng

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ hoặc kể từ ngày Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập biên bản về hành vi vi phạm mới quy định tại khoản 3 Điều 118 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND cấp xã, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ

sung, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh (trong trường hợp cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh lập hồ sơ) quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện “**nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm**” áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

- *Chú ý:*

+ Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

+ Hồ sơ được đánh bút lục và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

V. BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC

1. Cơ sở pháp lý

Các điều 95, 96, 103, 104 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng

a. Mục đích

Đề chữa bệnh, học văn hóa, học nghề, lao động dưới sự quản lý của cơ sở cải thiện bắt buộc.

b. Thời hạn

12 tháng đến 24 tháng.

3. Đối tượng áp dụng

Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính (người từ đủ 18 tuổi trở lên).

4. Trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Người không có năng lực trách nhiệm hành chính.
- Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.
- Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Vấn đề cần lưu ý: Việc quy định không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với “người không có năng lực trách nhiệm hành chính” là không cần thiết. Bởi vì, hành vi của người không có năng lực trách nhiệm hành chính không cấu thành vi phạm hành chính, họ không phải chịu trách nhiệm hành chính.

5. Lập hồ sơ đề nghị

** Lập hồ sơ:*

- Đối với người nghiện ma túy “có nơi cư trú ổn định” thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ lập hồ sơ.
- Đối với người nghiện ma túy “không có nơi cư trú ổn định” thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ.
- Đối với người nghiện ma túy do cơ quan Công an cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý thì cơ quan Công an đang thụ lý lập hồ sơ đề nghị.

Chú ý:

- Hồ sơ đề nghị gồm có:

Biên bản vi phạm;

Bản tóm tắt lý lịch;

Tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó;

Bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

- Tài liệu khác có liên quan.

- Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ.

** Thông báo bằng văn bản cho người vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ.*

Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

6. Quyết định áp dụng

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ:

+ Công an cấp tỉnh gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm;

+ Công an cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

VI. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định tại điều 108 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó:

- Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành, thì thời hiệu **được tính kể từ** thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

2. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

- Công an cấp huyện đưa người vi phạm vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người vi phạm vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc

Các điều 111, 113 Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc

Các điều 112, 113 Luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Điều 114 Luật xử lý vi phạm hành chính.

VII. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN

1. Tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

Điều 115 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

Điều 116 Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính

Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại **“côn đồ hung hãn”** thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này.

- Trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi, đối tượng đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng có hành vi vi phạm trên cơ sở hồ sơ hiện có và

biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chương V**BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM****XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH****I. NHẬN THỨC CHUNG****1. Các biện pháp**

1.1. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1.2. Áp giải người vi phạm

1.3. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính

1.4. Khám người theo thủ tục hành chính

1.5. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính

1.6. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1.7. Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất

1.8. Quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1.9. Truy tìm đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn

2. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

- Trường hợp việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính không còn phù hợp với mục đích và điều kiện áp dụng thì quyết định áp dụng biện pháp đó phải được hủy bỏ.

- Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác.

II. TẠM GIỮ NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Các điều 122, 123 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp áp dụng

- *Trường hợp 1:* Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác.

- *Trường hợp 2:* Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

- *Trường hợp 3:* Để thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- *Trường hợp 4:* Người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

- *Trường hợp 5:* Để xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Thẩm quyền

** Thẩm quyền:*

- Trưởng Công an phường, Trưởng Công an xã, thị trấn đã tổ chức công an chính quy theo quy định của Luật Công an nhân dân; Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng trạm Công an cửa khẩu.

- Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công

nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp Vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại.

- Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên.

** Giao quyền:*

Người có thẩm quyền tạm giữ có thể giao quyền cho cấp phó “khi vắng mặt”.

Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

4. Thời hạn tạm giữ

- *Thời hạn tạm giữ:* Không quá 12 giờ.

Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài không quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người.

Trường hợp tạm giữ người ở khu vực biên giới hoặc vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm người vi phạm được áp giải đến nơi tạm giữ.

- *Trường hợp tạm giữ để xác định tình trạng nghiện ma túy*: Thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người.

5. Thủ tục

- *Bước 1*: Ra quyết định tạm giữ.
- *Bước 2*: Giao cho người bị tạm giữ 01 bản.
- *Bước 3*: Thông báo

Thông báo cho gia đình, tổ chức nơi làm việc hoặc học tập của người bị tạm giữ (theo yêu cầu của người bị tạm giữ).

Tạm giữ người chưa thành niên vi phạm hành chính vào ban đêm hoặc giữ trên 06 giờ: Thông báo ngay cho cha mẹ hoặc người giám hộ của họ biết.

6. Nơi tạm giữ

- Nơi tạm giữ: “Nhà tạm giữ hành chính” hoặc “buồng tạm giữ hành chính”.

Trường hợp không có “nhà tạm giữ hành chính” hoặc “buồng tạm giữ hành chính” thì tạm giữ tại “phòng trực ban” hoặc “phòng khác tại nơi làm việc”, nhưng phải bảo đảm các quy định chung.

Trường hợp tạm giữ để xác định tình trạng nghiện ma túy thì nơi tạm giữ là “khu lưu giữ tạm thời tại cơ sở cai nghiện bắt buộc của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” hoặc “nhà tạm giữ, buồng tạm giữ hành chính”.

- Nghiêm cấm việc giữ người vi phạm hành chính trong các phòng tạm giữ, phòng tạm giam hình sự hoặc những nơi không bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

III. ÁP GIẢI NGƯỜI VI PHẠM

1. Cơ sở pháp lý

* *Điều 124 Luật xử lý vi phạm hành chính.*

2. Thẩm quyền

* *Thẩm quyền: ...*

* *Giao quyền*: Xem nội dung “giao quyền xử phạt”.

3. Trường hợp áp giải

* *Người vi phạm không tự nguyện chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền thì bị áp giải trong các trường hợp sau đây:*

- Bị tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

- Đưa vào hoặc đưa trở lại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 111, khoản 2 Điều 112 không tự giác chấp hành khi điều kiện hoãn, tạm đình chỉ không còn và đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 132 Luật xử lý vi phạm hành chính.

* *Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải người vi phạm.*

IV. TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN, GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Khoản 3 Điều 76, khoản 7 Điều 77, Điều 125, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp tạm giữ

* *Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây:*

- *Trường hợp 1:* Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt.

- *Trường hợp 2:* Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

- *Trường hợp 3:* Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì **“người có thẩm quyền xử phạt”** có quyền tạm giữ một trong các loại

giấy tờ theo thứ tự: Giấy phép lái xe; giấy phép lưu hành phương tiện; giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện.

Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có giấy tờ nói trên, thì **“người có thẩm quyền xử phạt”** có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, trừ trường hợp: Cá nhân, tổ chức vi phạm có địa chỉ rõ ràng, có điều kiện bến bãi, bảo quản phương tiện hoặc khả năng tài chính đặt tiền bảo lãnh thì có thể được giữ phương tiện vi phạm dưới sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp 4: Để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt (xem điểm 2.6 mục 2 phần VII Chương III cuốn sách này).

* Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị áp dụng hình thức xử phạt “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề” thì có thể bị tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian chờ ra quyết định không làm ảnh hưởng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức đó.

3. Chấm dứt việc tạm giữ

- Đối với trường hợp 1: Việc tạm giữ phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt.

- Đối với trường hợp 2: Việc tạm giữ phải được chấm dứt ngay sau khi hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội.

- Đối với trường hợp 3: Việc tạm giữ phải được chấm dứt ngay sau khi quyết định xử phạt được thi hành.

- Trường hợp nộp tiền phạt nhiều lần: Sau khi nộp tiền phạt lần đầu thì người vi phạm được nhận lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

- Trường hợp hoãn thi hành quyết định phạt tiền: Xem khoản 3 Điều 76 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- *Trường hợp giảm, miễn tiền phạt*: Xem khoản 7 Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Thẩm quyền tạm giữ

* *Thẩm quyền*:

- Người có thẩm quyền xử phạt “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính” có thẩm quyền “tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề”.

- Thẩm quyền tạm giữ không phụ thuộc vào “giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”.

Vấn đề cần lưu ý:

Việc tạm giữ theo “trường hợp 3”, Luật quy định: Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì **“người có thẩm quyền xử phạt”** có quyền tạm giữ một trong các loại giấy tờ theo thứ tự: Giấy phép lái xe; giấy phép lưu hành phương tiện; giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện.

Việc tạm giữ theo “trường hợp 4”, Luật quy định: **“Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc”** có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

Theo quan điểm của tác giả, 02 trường hợp này mở rộng thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính.

* *Giao quyền*: Xem nội dung “giao quyền xử phạt”.

5. Thủ tục

- *Bước 1*: Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- *Bước 2*: Lập biên bản tạm giữ (02 bản).

“Người lập biên bản vi phạm hành chính” đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ.

Biên bản tạm giữ phải có chữ ký của “người thực hiện việc tạm giữ”, người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm; trường hợp không có chữ ký của người vi phạm thì phải có chữ ký của ít nhất 01 người chứng kiến.

Giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Biên bản tạm giữ có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử.

- *Bước 3: Niêm phong.*

Tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải được niêm phong, trừ các trường hợp sau đây: “*Động vật, thực vật sống; hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật*”.

Việc niêm phong phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành trước mặt đại diện gia đình người vi phạm, đại diện tổ chức hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến.

- *Bước 4: Ra quyết định tạm giữ.*

Thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản tạm giữ, “người lập biên bản tạm giữ” phải báo cáo “người có thẩm quyền tạm giữ” về tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ.

Giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Quyết định tạm giữ có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử.

Chú ý:

Trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì “**người tạm giữ**” phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu dễ hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

*Vấn đề cần lưu ý: “**Người tạm giữ**” được hiểu là “người thực hiện việc tạm giữ” hay “người ra quyết định tạm giữ”?*

- *Bước 5: Bảo quản.*

Người lập biên bản tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

6. Thời hạn tạm giữ

- *Đối với trường hợp 4: Xem điểm 2.6 mục 2 phần VII Chương III cuốn sách này.*

- *Các trường hợp còn lại:*

+ Thời hạn tạm giữ: *Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ.*

Trường hợp chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt: *Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ.*

+ Vụ việc có yêu cầu giải trình hoặc xác minh các tình tiết tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính: *Có thể được kéo dài nhưng không quá 01 tháng, kể từ ngày tạm giữ.*

Đối với vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ: *Có thể được tiếp tục kéo dài nhưng không quá 02 tháng, kể từ ngày tạm giữ.*

- *Chú ý:*

Thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thực tế.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không vượt quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

7. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

- Người ra quyết định tạm giữ phải xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt hoặc trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức xử phạt “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”, “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn”.

Đối với tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị “tịch thu” thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị “tịch thu” nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước.

- Đối với tang vật là hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường (lập biên bản việc bán).

Gửi tiền thu được vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước.

Trường hợp tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp “không đến nhận mà không có lý do chính đáng” thì xử lý như sau:

Trường hợp xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp: Người ra quyết định tạm giữ thông báo cho họ 02 lần (lần 1 được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ, lần 2 được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông báo lần 1).

Hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày thông báo lần 2, nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định “*tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*”.

Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp: Người ra quyết định tạm giữ thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ (lần 1 được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ, lần 2 được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông báo lần 1). Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo lần 2, nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định “*tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*”.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính khi hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không thi hành quyết định xử phạt thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải chuyển tang vật, phương tiện cho người có thẩm quyền cưỡng chế để quyết định việc kê biên, bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

- Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để tiến hành việc thu hồi theo quy định của pháp luật và thông báo cho người vi phạm biết.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm độc hại thì phải tiến hành tiêu hủy theo quy định tại Điều 33 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Đối với các chất ma túy và những vật thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định.

- Người có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ chỉ phải trả chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện và các khoản chi phí khác trong thời gian tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Không thu phí lưu kho, phí bến bãi và phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện.

V. KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Điều 127 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ khám người

Có căn cứ cho rằng người đó cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện “được sử dụng để” vi phạm hành chính.

3. Thẩm quyền

* *Thẩm quyền*: Tương tự thẩm quyền tạm giữ người.

* *Giao quyền*: Xem nội dung “giao quyền xử phạt”.

* *Khám ngay*: Trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không tiến hành “khám ngay” thì đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người trên, chiến sĩ cảnh sát nhân dân đang thi hành công vụ được khám người theo thủ tục hành chính và báo cáo ngay bằng văn bản cho thủ trưởng của mình (là một trong những người được quy định trên).

4. Thủ tục

- *Bước 1*: Ra quyết định (trừ trường hợp khám ngay).

- *Bước 2*: Thông báo và giao quyết định cho người bị khám.

- *Bước 3*: Khám người.

Nam khám nam, nữ khám nữ, có người cùng giới chứng kiến (sửa: *Việc khám người phải do người cùng giới thực hiện và có người khác cùng giới chứng kiến*).

- *Bước 4*: Lập biên bản.

Giao 01 biên bản cho người bị khám.

VI. KHÁM PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, ĐỒ VẬT THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ khám phương tiện vận tải, đồ vật

Có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.

3. Thẩm quyền

* *Thẩm quyền*: Tương tự thẩm quyền tạm giữ người.

* *Giao quyền*: Xem nội dung “giao quyền xử phạt”.

* *Khám ngay*: Trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không tiến hành “khám ngay” thì tang vật vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người trên, chiến sĩ cảnh sát nhân dân đang thi hành công vụ được khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính và báo cáo ngay cho thủ trưởng trực tiếp của mình.

4. Thủ tục

- *Bước 1*: Ra quyết định (trừ trường hợp khám ngay).

- *Bước 2*: Giao quyết định cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.

- *Bước 3*: Khám phương tiện vận tải, đồ vật.

Phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến. Trong trường hợp chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải vắng mặt thì phải có ít nhất 01 người chứng kiến.

- *Bước 4:* Lập biên bản.

Giao 01 biên bản cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.

VII. KHÁM NƠI CẤT GIẤU TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Điều 129 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ khám, thời điểm khám

* *Căn cứ khám:* Có căn cứ cho rằng ở nơi đó cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

* *Thời điểm khám:* Không được khám vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc khám đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản (sửa: *Không được “bắt đầu” việc khám vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản*).

3. Thẩm quyền

* *Thẩm quyền:* Tương tự thẩm quyền tạm giữ người.

Trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là “chỗ ở” thì đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

* *Giao quyền:* Xem nội dung “giao quyền xử phạt”.

4. Thủ tục

- *Bước 1:* Ra quyết định.

- *Bước 2:* Giao quyết định cho chủ nơi khám.

- *Bước 3:* Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Phải có mặt chủ nơi khám hoặc người thành niên trong gia đình họ và người chứng kiến. Trong trường hợp người chủ nơi khám, người thành niên trong gia đình họ vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và ít nhất 01 người chứng kiến.

- *Bước 4:* Lập biên bản.

Giao 01 biên bản cho chủ nơi khám.

VIII. QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VI PHẠM PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC TRỰC XUẤT

1. Cơ sở pháp lý

Điều 130 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ áp dụng

Có căn cứ cho rằng nếu không áp dụng biện pháp này thì người đó sẽ “*trốn tránh hoặc cản trở việc thi hành quyết định xử phạt trực xuất*” hoặc “*để ngăn chặn người đó tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật*”.

3. Thẩm quyền

* *Thẩm quyền*: Thủ trưởng Cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh “*nơi lập hồ sơ đề nghị trực xuất*”.

* *Giao quyền*: Xem nội dung “giao quyền xử phạt”.

4. Các biện pháp

- Hạn chế việc đi lại của người bị quản lý.
- Chỉ định chỗ ở của người bị quản lý.
- Tạm giữ hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác thay hộ chiếu.

IX. QUẢN LÝ NGƯỜI BỊ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý

Điều 131 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định quản lý

Người có thẩm quyền lập hồ sơ.

3. Giao người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính

- Người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc “có nơi cư trú ổn định”: Giao cho gia đình quản lý đối tượng.

- Người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc “không có nơi cư trú ổn định” hoặc “có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình không đồng ý quản lý”:

+ Giao cho trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội hoặc cơ sở cai nghiện bắt buộc của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý (đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc).

+ Giao cho UBND cấp xã nơi người bị đề nghị cư trú hoặc có hành vi vi phạm quản lý (đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc).

4. Thời hạn quản lý

- Thời hạn quản lý được tính từ khi lập hồ sơ cho đến khi người có thẩm quyền đưa đối tượng đi áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quyết định của Tòa án.

- Thời gian quản lý tại trung tâm, cơ sở “đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” được trừ vào thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Thủ tục

- *Bước 1*: Ra quyết định.

- *Bước 2*: Gửi ngay quyết định cho người được quản lý; gia đình, cơ quan, tổ chức nhận quản lý để thực hiện.

6. Trách nhiệm của người có thẩm quyền ra quyết định quản lý

Trong thời gian quản lý, người có thẩm quyền ra quyết định quản lý có trách nhiệm:

- Thông báo cho người được quản lý và gia đình, cơ quan, tổ chức nhận quản lý về quyền và nghĩa vụ của họ trong thời gian quản lý.

- Thực hiện các biện pháp hỗ trợ gia đình, cơ quan, tổ chức nhận quản lý trong việc quản lý, giám sát người được quản lý.

- Khi được thông báo về việc người được quản lý bỏ trốn hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, phải kịp thời có biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

X. TRUY TÌM ĐỐI TƯỢNG ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG, ĐƯA VÀO CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC, ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC TRONG TRƯỜNG HỢP BỎ TRỐN

- Trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi được đưa vào trường hoặc cơ sở thì **“Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ”** ra quyết định truy tìm.

Trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng đủ 18 tuổi tại thời điểm truy tìm được, Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện.

- Trường hợp người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc và Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm. **Cơ quan Công an có trách nhiệm phối hợp truy tìm.**

- Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

CHƯƠNG VI

BIỆN PHÁP THAY THẾ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

I. NHẬN THỨC CHUNG

1. Khái niệm

Khái niệm biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính được quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính, theo đó: “*Biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính là biện pháp mang tính giáo dục được áp dụng để thay thế cho hình thức xử phạt hoặc biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính*”.

2. Các biện pháp

- Nhắc nhở.
- Quản lý tại gia đình.
- Giáo dục dựa vào cộng đồng.

3. Nguyên tắc áp dụng

Nguyên tắc áp dụng được quy định tại khoản 5 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

- *Nguyên tắc 1:* Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính **phải được xem xét áp dụng** khi có đủ các điều kiện quy định.
- *Nguyên tắc 2:* Việc áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính **không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính**.

II. CÁC BIỆN PHÁP

1. Biện pháp nhắc nhở

a. Cơ sở pháp lý

Điều 139 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Quy định

- Điều kiện áp dụng:

Điều kiện 1: Vi phạm hành chính theo quy định bị xử phạt cảnh cáo.

Điều kiện 2: Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm.

- Thẩm quyền: Người có thẩm quyền xử phạt.

- Thủ tục: Thực hiện bằng lời nói, ngay tại chỗ.

2. Biện pháp quản lý tại gia đình

a. Cơ sở pháp lý

Điều 140 Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Quy định

- Điều kiện áp dụng, đối tượng áp dụng:

Quản lý tại gia đình áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính khi có đủ các điều kiện sau đây:

Điều kiện 1: Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm.

Điều kiện 2: Có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp này.

Điều kiện 3: Cha mẹ hoặc người giám hộ có đủ điều kiện quản lý và tự nguyện nhận trách nhiệm quản lý.

- Thẩm quyền: Chủ tịch UBND cấp xã.

- Thời hạn áp dụng: Từ 03 tháng đến 06 tháng.

- Thủ tục: Thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình có hiệu lực, Chủ tịch UBND cấp xã phải gửi quyết định cho gia đình và phân công tổ chức, cá nhân nơi người đó cư trú để phối hợp, giám sát thực hiện.

- Chú ý:

Người chưa thành niên đang quản lý tại gia đình được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng.

Trong thời gian quản lý tại gia đình, nếu người chưa thành niên tiếp tục vi phạm pháp luật thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp này và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng

a. Cơ sở pháp lý

Điều 140a Luật xử lý vi phạm hành chính.

b. Quy định

- Điều kiện áp dụng, đối tượng áp dụng:

Giáo dục dựa vào cộng đồng áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính khi có đủ các điều kiện sau đây:

Điều kiện 1: Có nơi cư trú ổn định.

Điều kiện 2: Đang theo học tại cơ sở giáo dục.

Điều kiện 3: Cha mẹ, người giám hộ cam kết bằng văn bản về việc quản lý, giáo dục.

- Thẩm quyền: Tòa án nhân dân.

- Thời hạn áp dụng: Từ 06 tháng đến 24 tháng.

- Thủ tục: Thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng có hiệu lực, Tòa án nhân dân phải gửi quyết định cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội để phối hợp, giám sát thực hiện.

- *Chú ý:* Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng.

CHƯƠNG VII

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

I. TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ

1. Cơ sở pháp lý

- Các điều 9, 10 Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Tình tiết giảm nhẹ

- *Một là:* Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại.
- *Hai là:* Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính.
- *Ba là:* Vi phạm hành chính trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.
- *Bốn là:* Vi phạm hành chính do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.
- *Năm là:* Người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.
- *Sáu là:* Vi phạm hành chính vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.
- *Bảy là:* Vi phạm hành chính do trình độ lạc hậu.

Những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định.

3. Tình tiết tăng nặng

Một là: Vi phạm hành chính có tổ chức.

Vi phạm hành chính có tổ chức là trường hợp cá nhân, tổ chức **câu kết** với cá nhân, tổ chức khác để **cùng thực hiện** hành vi vi phạm hành chính.

Hai là: Vi phạm hành chính nhiều lần.

Vi phạm hành chính nhiều lần là trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính này nhưng **chưa bị xử lý** và chưa hết thời hiệu xử lý.

Ba là: Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Bốn là: Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để vi phạm hành chính.

Năm là: Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm hành chính có tính chất côn đồ.

Sáu là: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính.

Bảy là: Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính.

Tám là: Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

Chín là: Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó.

Mười là: Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

Mười một là: Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn.

Mười hai là: Vi phạm hành chính đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

Mười ba là: Tái phạm.

Tái phạm là việc cá nhân, tổ chức đã bị ra **quyết định xử phạt vi phạm hành chính** nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử phạt.

Tái phạm là việc cá nhân đã bị ra **quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính** nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà lại thực hiện hành vi thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đó.

Một số vấn đề cần lưu ý:

Một là: Tình tiết trên đã được quy định là hành vi vi phạm hành chính thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

Hai là: Luật xử lý vi phạm hành chính hướng dẫn “tái phạm” chưa hợp lý. Theo quan điểm của tác giả, cần bổ sung thêm cụm từ “**có hiệu lực**” sau nội dung được gạch chân, in đậm.

II. THỜI HẠN ĐƯỢC COI LÀ CHƯA BỊ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính **mà không tái phạm** thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành

chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 137 Luật xử lý vi phạm hành chính. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên

1. Người chưa thành niên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm.

2. Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử lý mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Vấn đề cần lưu ý:

Một là: Nếu tái phạm thì hậu quả pháp lý đặt ra là như thế nào?

Hai là: Trường hợp “hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính” tại khoản 1 Điều 7 và Điều 137 có tính thêm thời gian thử thách (6 tháng, 1 năm) thì mới được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính không?

III. THỜI HIỆU XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây:

Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đề điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu,

nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Vi phạm hành chính về thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau:

Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

d) Trong thời hạn được quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 90; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 90; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 90; 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 90 của Luật này.

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 92;

06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 92 của Luật này.

c) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 của Luật này.

d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này.

đ) Trong thời hạn được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà cá nhân cố tình trốn tránh, cản trở việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

IV. CÁCH TÍNH THỜI GIAN, THỜI HẠN, THỜI HIỆU

Điều 8 Luật xử lý vi phạm hành chính. Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính

1. Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc.

2. Thời gian ban đêm được tính từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

V. KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 15 Luật xử lý vi phạm hành chính. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử lý vi phạm hành chính có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có quyền tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện phải **ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó** theo quy định của pháp luật.

VI. GIÁM SÁT CÔNG TÁC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 19 Luật xử lý vi phạm hành chính. Giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính

*Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và **mọi công dân** giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thì có quyền yêu cầu, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.*

Cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải xem xét, giải quyết và trả lời yêu cầu, kiến nghị đó theo quy định của pháp luật.

VII. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Cơ sở pháp lý

Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Từ ngữ

- *Chỗ ở* là nhà ở, phương tiện hoặc nhà khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật.

- *Người nghiện ma túy* là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

- *Người đại diện hợp pháp* bao gồm cha mẹ hoặc người giám hộ, luật sư, trợ giúp viên pháp lý.

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Tài liệu tham khảo

Chương I

HIỆU LỰC CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. Hiệu lực về thời gian

II. Hiệu lực trở về trước

III. Hiệu lực về không gian

Chương II

KHÁI NIỆM VI PHẠM HÀNH CHÍNH

CẤU THÀNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. Khái niệm vi phạm hành chính

II. Cấu thành vi phạm hành chính

1. Khách thể của vi phạm hành chính
2. Chủ thể của vi phạm hành chính
3. Mặt khách quan của vi phạm hành chính
4. Mặt chủ quan của vi phạm hành chính

Chương III

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. KHÁI NIỆM

II. HÌNH THỨC XỬ PHẠT, NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Các hình thức xử phạt
2. Nguyên tắc áp dụng
3. Cảnh cáo
4. Phạt tiền
5. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn
6. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
7. Trục xuất

III. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ, NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả
2. Nguyên tắc áp dụng
3. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu

4. Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép
5. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh
6. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện
7. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại
8. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn
9. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm
10. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng
11. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật

IV. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính
2. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính
3. Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính
4. Giao quyền xử phạt

V. NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Các nguyên tắc

VI. TRƯỜNG HỢP KHÔNG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính

VII. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Thủ tục

VIII. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính
2. Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản
3. Thi hành quyết định xử phạt có lập biên bản
4. Trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt

5. Thi hành quyết định xử phạt đối với các hình thức xử phạt cụ thể
6. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả
7. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản

IX. CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính
3. Các biện pháp cưỡng chế
4. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế của công an nhân dân
5. Thi hành quyết định cưỡng chế

Chương IV

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

I. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Khái niệm
2. Các biện pháp xử lý hành chính
3. Thẩm quyền
4. Nguyên tắc áp dụng

II. BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Cơ sở pháp lý
2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng
3. Đối tượng áp dụng
4. Lập hồ sơ đề nghị
5. Quyết định áp dụng
6. Quy định đối với người chưa thành niên

III. BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

1. Cơ sở pháp lý
2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng
3. Đối tượng áp dụng
4. Trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng
5. Lập hồ sơ đề nghị
6. Quyết định áp dụng

IV. BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC

1. Cơ sở pháp lý
2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng
3. Đối tượng áp dụng
4. Trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng
5. Lập hồ sơ đề nghị
6. Quyết định áp dụng

V. BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC

1. Cơ sở pháp lý
2. Mục đích áp dụng, thời hạn áp dụng
3. Đối tượng áp dụng
4. Trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cải thiện bắt buộc
5. Lập hồ sơ đề nghị
6. Quyết định áp dụng

VI. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính
2. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cải thiện bắt buộc
3. Hoàn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cải thiện bắt buộc
4. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cải thiện bắt buộc
5. Hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

VII. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN

1. Tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cải thiện bắt buộc ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự
2. Chuyển hồ sơ của đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự
3. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính
4. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cải thiện bắt buộc

Chương V
BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM
XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. NHẬN THỨC CHUNG

1. Các biện pháp
2. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính

II. TẠM GIỮ NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Trường hợp áp dụng
3. Thẩm quyền
4. Thời hạn tạm giữ
5. Thủ tục
6. Nơi tạm giữ

III. ÁP GIẢI NGƯỜI VI PHẠM

1. Cơ sở pháp lý
2. Thẩm quyền
3. Trường hợp áp giải

IV. TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN, GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Trường hợp tạm giữ
3. Chấm dứt việc tạm giữ
4. Thẩm quyền tạm giữ
5. Thủ tục
6. Thời hạn tạm giữ
7. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

V. KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Căn cứ khám người
3. Thẩm quyền
4. Thủ tục

VI. KHÁM PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, ĐỒ VẬT THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Căn cứ khám phương tiện vận tải, đồ vật
3. Thẩm quyền
4. Thủ tục

VII. KHÁM NƠI CẤT GIẤU TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Căn cứ khám, thời điểm khám
3. Thẩm quyền
4. Thủ tục

VIII. QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VI PHẠM PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC TRỰC XUẤT

1. Cơ sở pháp lý
2. Căn cứ áp dụng
3. Thẩm quyền
4. Các biện pháp

IX. QUẢN LÝ NGƯỜI BỊ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

1. Cơ sở pháp lý
2. Người có thẩm quyền ra quyết định quản lý
3. Giao người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính
4. Thời hạn quản lý
5. Thủ tục
6. Trách nhiệm của người có thẩm quyền ra quyết định quản lý

X. TRUY TÌM ĐỐI TƯỢNG ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG, ĐƯA VÀO CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC, ĐƯA VÀO CƠ SỞ CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC TRONG TRƯỜNG HỢP BỎ TRỐN

Chương VI

BIỆN PHÁP THAY THẾ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

I. NHẬN THỨC CHUNG

1. Khái niệm
2. Các biện pháp
3. Nguyên tắc áp dụng

II. CÁC BIỆN PHÁP

1. Biện pháp nhắc nhở
2. Biện pháp quản lý tại gia đình
3. Biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng

Chương VII

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

I. TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG, TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ

1. Cơ sở pháp lý
2. Tình tiết giảm nhẹ
3. Tình tiết tăng nặng

II. THỜI HẠN ĐƯỢC COI LÀ CHƯA BỊ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

III. THỜI HIỆU XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

IV. CÁCH TÍNH THỜI GIAN, THỜI HẠN, THỜI HIỆU

V. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

VI. GIÁM SÁT CÔNG TÁC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

VII. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Cơ sở pháp lý
2. Từ ngữ